PL1. DANH MỤC, KINH PHÍ HỖ TRỢ ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN GTNT GIAI ĐOẠN 2026-2030 ĐỐI VỚI CÁC CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG THỰC HIỆN TRONG NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 690 /QĐ-UBND ngày 15/4/2026 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

Triệu đồng

TT	Tên danh mục	địa điểm xây dựng	Dự kiến TMĐT	Kinh phí phân bổ hỗ trợ từ NSNN	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Đầu tư xây dựng đường Làng Rộng - Co Rào, xã Hưng Vũ (ĐX17.04)	Xã Hưng Vũ	417,69	383,19	**Xã Hưng vũ**
2	Đầu tư xây dựng đường Pá Chí - Làng Gà, xã Hưng Vũ (ĐX17.05)	Xã Hưng Vũ	696,15	638,65	
3	Đầu tư xây dựng đường Suối Phàn (ĐX19.22)	Xã Nhất Hoà	2.784,61	2.554,59	**Xã Nhất Hòa**
4	Đầu tư xây dựng đường Suối Tín - Bình An, xã Tân Tri (ĐX21.04)	Xã Tân Tri	4.382,98	4.020,92	**Xã Tân Tri**
5	Đầu tư xây dựng đường Hương Cốc - Hoan Thượng (ĐX20.16)	Xã Vũ Lễ	2.784,61	2.554,59	**Xã Vũ Lễ**
6	Đầu tư xây dựng đường vào khu dân cư Hin Đeng (ĐX11.13)	Xã Hoa Thám	3.480,76	3.193,23	**Xã Hoa Thám**
7	Đầu tư xây dựng đường Bản Tăn (ĐX10.07)	Xã Hồng Phong	793,61	728,06	**Xã Hồng Phong**
8	Đầu tư xây dựng đường Bản Chuộc - Pác Cáp (ĐX12.10)	Xã Quý Hòa	570,84	523,69	**Xã Quý Hòa**
9	Đầu tư xây dựng đường Pác Kiểng - Khuổi Toong (ĐX12.09)	Xã Quý Hòa	2.478,30	2.273,58	
10	Đầu tư xây dựng đường Kéo Coong - Nà Dài (ĐX9.03)	Xã Tân Văn	2.784,61	2.554,59	**Xã Tân Văn**
11	Đầu tư xây dựng đường Nà Lẹng - Cạm Tắm (ĐX13.01)	Xã Thiện Hòa	1.392,30	1.277,29	**Xã Thiện Hòa**
12	Đầu tư xây dựng đường Nà Quãng - Nà Kéo (ĐX13.12)	Xã Thiện Hòa	1.392,30	1.277,29	

TT	Tên danh mục	địa điểm xây dựng	Dự kiến TMĐT	Kinh phí phân bổ hỗ trợ từ NSNN	Ghi chú
13	Đầu tư xây dựng đường Tân Tiến - Khuổi Bổng (ĐX15.05)	Xã Thiện Long	278,46	255,46	**Xã Thiện Long**
14	Đầu tư xây dựng đường Mò Mè - Tân Lập (ĐX14.13)	Xã Thiện Thuật	2.784,61	2.554,59	**Xã Thiện Thuật**
15	Đầu tư xây dựng đường Khau Lạp (ĐX59.11)	Xã Cao Lộc	1.698,61	1.558,30	**Xã Cao Lộc**
16	Đầu tư xây dựng đường Nà Va - Đường TTBG (ĐX61.16)	Xã Ba Sơn	696,15	638,65	**Xã Ba Sơn**
17	Đầu tư xây dựng đường Co Loi-Khuổi Phiêng- Khuổi Đeng (ĐX 61.21)	Xã Ba Sơn	1.949,23	1.788,21	
18	Đầu tư xây dựng đường Nhọt Nặm - Lục Bó (ĐX60.12)	Xã Công Sơn	2.784,61	2.554,59	**Xã Công Sơn**
19	Đầu tư xây dựng đường Co Lái-Bắc Phiềng (ĐX55.11)	Xã Nhân Lý	2.088,46	1.915,94	**Xã Nhân Lý**
20	Đầu tư xây dựng đường vào trung tâm thôn Khun Tiến (ĐX55.04)	Xã Nhân Lý	696,15	638,65	
21	Đầu tư xây dựng đường Cao Minh Lũng Mắt (ĐX56.13)	Xã Bằng Mạc	2.784,61	2.554,59	**Xã Bằng Mạc**
22	Đầu tư xây dựng đường Khòn Mon - Kéo Sao- Bình Trung (Đoạn Nà Trác - Co Bây) (ĐX54.07)	Xã Chiến Thắng	696,15	638,65	**Xã Chiến Thắng**
23	Đầu tư xây dựng đường Cô Hiền - Bản Thí (ĐX54.21)	Xã Chiến Thắng	1.392,30	1.277,29	
24	Đầu tư xây dựng đường Suối Phầy (ĐX53.10)	Xã Quan Sơn	2.088,46	1.915,94	**Xã Quan Sơn**
25	Đầu tư xây dựng đường Làng Thượng - Giáp Thượng (ĐX57.20)	Xã Vạn Linh	292,38	268,23	**Xã Vạn Linh**
26	Đầu tư xây dựng đường Đèo Tuống (ĐX57.21)	Xã Vạn Linh	1.253,07	1.149,56	
27	Đầu tư xây dựng đường Nà Lặp - Thần Lãng (ĐX57.22)	Xã Vạn Linh	417,69	383,19	

TT	Tên danh mục	địa điểm xây dựng	Dự kiến TMĐT	Kinh phí phân bổ hỗ trợ từ NSNN	Ghi chú
28	Đầu tư xây dựng đường Pa Ràng (Tuyến THCS Hòa Bình) (ĐX57.10)	Xã Vạn Linh	751,84	689,74	
29	Đầu tư xây dựng đường Khe Bủng, xã Kiên Mộc (ĐX43.16)	Xã Kiên Mộc	1.113,84	1.021,83	**Xã Kiên Mộc**
30	Đầu tư xây dựng đường Suối Trà - Tắng Mật (ĐX46.08)	Xã Tân Thành	1.615,07	1.481,66	**Xã Tân Thành**
31	Đầu tư xây dựng đường Đồng Tiến (ĐX46.10)	Xã Tân Thành	417,69	383,19	
32	Đầu tư xây dựng đường xã thôn xã - Bến Lường (ĐX45.01)	Xã Tuấn Sơn	3.648,93	3.235,16	**Xã Tuấn Sơn**
33	Đầu tư xây dựng Đường Làng Lỷ-Qúy Xã - Đồng La (ĐX49.19)	Xã Yên Bình	2.898,76	2.570,05	**Xã Yên Bình**
34	Đầu tư xây dựng đường Bó Luồng - Tằm Hán - Bản Quyêng (ĐX39.16)	Xã Khuất Xá	3.057,77	2.711,03	**Xã Khuất Xá**
35	Đầu tư xây dựng đường vào thôn Kéo Cọ - Phai Vài - Khău Khảo (ĐX36.09)	Xã Lợi Bác	3.057,77	2.711,03	**Xã Lợi Bác**
36	Đầu tư xây dựng đường vào thôn Khuổi Lầy, xã Mẫu Sơn (ĐX34.04)	Xã Mẫu Sơn	1.019,26	903,68	**Xã Mẫu Sơn**
37	Đầu tư xây dựng đường Bản Khoai - Nà Mò, xã Mẫu Sơn (ĐX34.01)	Xã Mẫu Sơn	1.670,77	1.532,75	
38	Đầu tư xây dựng đường QL4B - Nà Pè, xã Na Dương (ĐX35.14)	Xã Na Dương	3.057,77	2.711,03	**Xã Na Dương**
39	Đầu tư xây dựng đường BTXM Vinh Tiên - Suối Lông (ĐX.37.08)	Xã Thống Nhất	3.057,77	2.711,03	**Xã Thống Nhất**
40	Đầu tư xây dựng đường Nặm Đảng - Khuổi Danh (ĐX38.13)	Xã Xuân Dương	3.057,77	2.711,03	**Xã Xuân Dương**
41	Đầu tư xây dựng đường Hợp Thành - Đông Sào (ĐX2.02)	Xã Đoàn Kết	3.202,30	2.937,77	**Xã Đoàn Kết**

TT	Tên danh mục	địa điểm xây dựng	Dự kiến TMĐT	Kinh phí phân bổ hỗ trợ từ NSNN	Ghi chú
42	Đầu tư xây dựng đường ĐH.01 cũ đến Bản Sliền (ĐX6.04)	Xã Kháng Chiến	2.784,61	2.554,59	**Xã Kháng Chiến**
43	Đầu tư xây dựng đường TL229 (Nà Pò)- Pò Lạn - TL229 (Nà Dài) (ĐX7.09)	Xã Quốc Việt	3.063,07	2.810,05	**Xã Quốc Việt**
44	Đầu tư xây dựng đường Nà Chào (ĐX3. 09)	Xã Tân Tiến	3.619,99	3.320,96	**Xã Tân Tiến**
45	Đầu tư xây dựng đường Và Quang - Phiêng Luông (ĐX31.03)	Xã Văn Lãng	2.784,61	2.554,59	**Xã Văn Lãng**
46	Đầu tư xây dựng đưởng BTXM Hòa Lạc - Nặm Hép (ĐX32.01)	Xã Hội Hoan	2.227,69	2.043,67	**Xã Hội Hoan**
47	Đầu tư xây dựng đường Tà Piặc - Cốc Hắt (ĐX28.07)	Xã Na Sầm	3.057,77	2.711,03	**Xã Na Sầm**
Tổng công			**95.024,77**	**86.377,35**	